TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VỊ THỦY** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2024/HS-ST
Ngày 30 - 9 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VỊ THỦY, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Ánh Trúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Bé Ngọc.
2. Ông Nguyễn Thanh Phong.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Phước Lộc - Thư ký viên, Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Ông Dương Vương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 41/2024/TLST-HS ngày 05 tháng 8 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2024/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 8 năm 2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị Sa R; sinh năm 1983 tại thị xã B, tỉnh Vĩnh Long. Nơi cư trú: Ấp T, xã T, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn D và bà Đỗ Thị L; sống chung như vợ chồng với Mai Quốc T (đã ly hôn với chồng tên Lê Duy H vào năm 2015) và có 03 người con (theo Lý lịch bị can có 02 người con, 01 người con sinh ngày 09/9/2024); tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: chưa bị kết án, xử lý hành chính, xử lý kỷ luật; bị bắt, tạm giam: Không. (Có mặt)

- Bị hại:

Mai Thị M - Sinh năm: 1957. (Có mặt)

Nơi cư trú: Ấp E, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Mai Quốc T - Sinh năm: 1979. (Có mặt)

Nơi cư trú: Ấp E, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng cuối năm 2022 đầu năm 2023, bà Mai Thị M đưa tiền Việt Nam cho Nguyễn Thị Sa R hai lần là 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) để cho người khác vay và lấy lãi nhưng thực tế Sa R không có cho ai vay hết và dùng số tiền trên tiêu xài vào mục đích cá nhân, thời gian sau Sa R đưa cho bà M ba (03) chỉ vàng và nói đây là số lãi có được. Sau đó bà M đem vàng cất giữ, đến khoảng tháng 4 năm 2023 bà M tiếp tục đưa cho Sa Ri 19.000.000 đồng (mười chín triệu đồng) kêu mua dùm sợi dây chuyền vàng 18k và Sa R có mượn của bà M 01 chiếc nhẫn vàng 18k mặt cẩm thạch và trả lại chiếc nhẫn và nói là chiếc nhẫn đó xấu nên đổi lại nhẫn khác và cũng trong thời gian trên giữa Sa R và bà M có đổi với nhau 01 đôi bông tai và bà M đem ra tiệm vàng thử thì biết đó là vàng giả nên trình báo Công an.

Qua điều tra Nguyễn Thị Sa R cũng thừa nhận khoảng tháng 11/2023 Sa R có gặp và nói chuyện với bị hại M ở xã V, huyện V lúc đó bị hại M có hỏi và nói: "Có chỗ nào hỏi tiền không để M đưa tiền cho hỏi và lấy lãi", Sa R nói: "Có biết người hỏi tiền" nên bà M đưa tiền cho Sa R cho hỏi dùm để lấy laĩ, tổng cộng 02 lần Sa Ri nhận của bà M là 50.000.000 đồng, nhưng thực tế Sa R không có cho người khác hỏi mà dùng số tiền đó để tiêu xài cá nhân hết, đến vài tháng sau bà M đưa cho Sa R thêm số tiền 19.000.000 đồng nhờ mua dùm sợi dây chuyền để đi đám và có lấy tiền để đi mua sợi dây chuyền cho bị hại M, nhưng có nói trước với chị M là cho mượn số tiền 19.000.000 đồng rồi mua sợi dây chuyền giả để chị M đi đám thì chị M đồng ý, sau đó bà M có nhờ Sa R mua đồ dùm, Sa R có dùng 500.000 đồng để mua đồ cho bà M, số tiền chỉ còn 18.500.000 đồng và Sa R đã lấy số tiền trên tiêu xài cá nhân chưa trả lại cho bà M.

Căn cứ vào Kết luận giám định số 4483/KL-KTHS ngày 14/7/2023 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh, kết luận:

- Mẫu kí hiệu M1, khối lượng: 20,5678 gam có chứa thành phần chính là Đ (cu), hàm lượng Đồng : 99, 03%.

- Mẫu kí hiệu M2, khối lượng (bao gồm cả đá): 7,2859 gam có chứa thành phần chính là Đ (cu), hàm lượng Đồng : 98,98%.

- Mẫu ký hiệu M3, gồm:

+ Mẫu 3.1, khối lượng: 2, 6727 gam có chứa thành phần chinhs là Bạc (A), hàm lượng Bạc: 97, 83%.

+ Mẫu M3.2 và M3.3 tổng khối lượng: 5,3488 gam, có chứa thành phần chính là Đ (Cu), hàm lượng Đồng : 99,88%.

+ Mẫu ký hiệu M4, tổng khối lượng (bao gồm cả đá): 3,1109 gam, có chứa thành phần chính là Đ (Cu), hàm lượng Đồng : 98,81%.

- Mẫu ký hiệu M5, khối lượng (bao gồm cả đá): 5,5953 gam, có chứa thành phần chính là B (Ag)- hàm lượng Bạc: 86,97% Đồng (Cu) – hàm lượng Đồng: 11,43 %.

- Mẫu ký hiệu M6: Không chứa vàng và các thành phần kim loại khác.

Việc thu giữ, tạm giữ vật chứng, đồ vật, tài liệu: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V đã thu giữ, tạm giữ:

- 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng, mặt cẩm thạch màu xanh, khối lượng: 20,5678 gam.

- 01 mặt cẩm thạch màu xanh, khối lượng (bao gồm cả đá): 7,2859 gam;

- 03 nhẫn kim loại màu vàng, gồm: Chiếc nhẫn 1, khối lượng: 2,6727 gam, có chứa thành phần chính là B (A), hàm lượng Bạc: 97,83%; chiếc nhẫn 2 và chiếc nhẫn 3, tổng khối lượng: 5,3488 gam.

- 02 chiếc hoa tai bằng kim loại màu vàng có gắn đá cẩm thạch maù xanh, tổng khối lượng (bao gồm cả đá): 3,1109 gam.

- 01 chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng có gắn đá cẩm thạch màu xanh, khối lượng (bao gồm cả đá): 5,5953 gam.

- 01 chiếc vòng màu trắng khối lượng: 8,8867 gam.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường 2.000.000 đồng cho bị hại. Bị hại không có yêu cầu thêm về trách nhiệm dân sự.

Tại Cáo trạng số 31/CT-VKS-HVT ngày 29 tháng 5 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang truy tố bị cáo Nguyễn Thị Sa R có lý lịch và hành vi phạm tội nêu trên ra trước Tòa án nhân dân huyện Vị thủy, tỉnh Hậu Giang để xét xử về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố; đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị Sa R phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

- Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 174; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Sa R từ 06 tháng tù đến 09 tháng tù.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu bồi thường nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về xử lý vật chứng: Tịch thu và tiêu hủy các vật chứng đã thu giữ.

- Về án phí: Buộc bị cáo chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử.

Về nội dung vụ án:

[2] Tại phiên toà bị cáo Nguyễn Thị Sa R thừa nhận hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện theo như nội dung của bản cáo trạng đã truy tố. Tuy nhiên, bị cáo cho rằng sau khi nhận được tài sản của bị hại thì bị cáo mới phát sinh ý thức chiếm đoạt tài sản của bị hại. Đối với số tiền 19.000.000 đồng thì bị hại đồng ý cho bị cáo mượn tiền để tiêu xài và mua vàng giả đưa lại cho bị hại. Hội đồng xét xử xét thấy:

[3] Đối với số tiền 50.000.000 đồng bị cáo chiếm đoạt của bị hại, tại lời khai ban đầu (Biên bản ghi lời khai ngày 27/4/2023, bút lục 04) và trong suốt quá trình giải quyết vụ án (Biên bản ghi lời khai ngày 29/6/2023, bút lục 25; Biên bản ghi lời khai ngày 25/9/2023, bút lục 26) cũng như tại phiên tòa, bị hại Mai Thị M đều khai: Bị cáo đến nhà gặp bị hại và kêu bị hại đưa tiền cho bị cáo để bị cáo cho vay lại. Tại lời khai ban đầu (Biên bản ghi lời khai ngày 06/5/2023, bút lục 05), bị cáo khai bị cáo là người hỏi thăm bà M có tiền dư hay không. Tại đơn bão lãnh ngày 27/10/2023, ông Mai Quốc T trình bày: Vợ tôi (Nguyễn Thị Sa R) có kêu chị ruột tôi là chị Mai Thị M đưa cho vợ tôi số tiền 02 lần tổng cộng là 50 triệu đồng để cho vay lấy lời. Như vậy, có căn cứ

để xác định bị cáo là người khởi xướng, đạt vấn đề trước với bị hại về việc lấy tiền của bị hại để cho vay lại. Tại phiên tòa bị cáo khai ban đầu bị cáo cũng có ý định cho người khác vay lại nhưng thực tế bị cáo không cho bất cứ ai vay lại tiền mà sử dụng toàn bộ số tiền đã nhận của bị hại để tiêu xài cá nhân. Đối với số tiền 19.000.000 đồng bị hại nhờ bị cáo mua vàng, tại phiên tòa bị cáo khai ngay sau khi nhận tiền của bị hại thì bị cáo đi mua vàng giả về đưa lại cho bị hại. Tại phiên tòa bị cáo và bị hại đều thừa nhận hành vi mua vàng giả đổi cho bị hại được bị cáo thực hiện không lâu sau khi bị cáo mua vàng giả để trả lãi cho bị hại. Như vậy, lần phạm tội sau được thực hiện với phương thức, thủ đoạn tương tự lần phạm tội trước và thủ đoạn gian dối cũng được sử dụng ngay sau khi bị cáo nhận được tài sản nên việc bị cáo cho rằng sau khi nhận được tài sản bị cáo mới phát sinh ý thức chiếm đoạt là không phù hợp với diễn biến hành vi khách quan mà bị cáo đã thực hiện. Từ đó cho thấy trong cả hai lần phạm tội bị cáo đều đã có sự tính toán trước khi đặt vấn đề nhận tiền của bị hại nên có căn cứ để kết luận bị cáo phát sinh ý thức chiếm đoạt trước khi nhận được tài sản của bị hại.

[4] Về lời khai của bị cáo cho rằng bị hại đồng ý cho bị cáo mượn số tiền 19.000.000 đồng và biết sự việc bị cáo mua vàng giả cho bị hại. Xét thấy, trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bị hại đều không thừa nhận lời khai này của bị cáo. Bên cạnh đó, đến khi bị hại thử vàng ở tiệm vàng thì mới phát hiện sợi dây chuyền mà bị cáo mua giùm là vàng giả và bị hại trình báo Công an về việc bị lừa đảo chiếm đoạt tài sản đối với tất cả số vàng mà bị cáo đưa cho bị hại. Do đó, lời khai của bị cáo là không phù hợp với logic của sự việc cũng như lời khai của bị hại nên không có căn cứ để chấp nhận.

[5] Như vậy, qua phân tích, đánh giá những vấn đề được tranh tụng tại phiên toà, các chứng cứ, tài liệu được thể hiện trong hồ sơ vụ án, lời khai của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác, đã có đủ cơ sở chứng minh được rằng: Khoảng cuối năm 2022 đầu năm 2023, với mục đích chiếm đoạt tài sản của người khác, bị cáo Nguyễn Thị Sa R đã đưa ra thông tin gian dối với bà Mai Thị M là đưa tiền cho bị cáo để bị cáo cho người khác vay lại và lấy lãi. Do có mối quan hệ quen biết nên bà M tin tưởng và đưa tiền cho bị cáo 02 lần với tổng số tiền 50.000.000 đồng. Tuy nhiên, sau khi nhận tiền, bị cáo không có cho ai vay lại mà dùng số tiền trên tiêu xài cá nhân; mỗi tháng bị cáo đưa cho bà M 01 chiếc nhẫn bằng vàng (tổng cộng ba 03 chiếc nhẫn vàng) và nói đây là số lãi có được nhưng theo kết luận giám định đều là vàng giả. Đến khoảng tháng 4/2023, bị cáo tiếp tục đưa ra thông tin gian dối với bà M là đưa cho bị cáo số tiền 19.000.000 đồng để bị cáo mua cho bà M sợi dây chuyền vàng 18K. Tuy nhiên, sau khi nhận tiền, bị cáo không mua vàng thật

mà mua sợi dây chuyền vàng giả đưa lại cho bà M. Tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt của bà M là 69.000.000 đồng.

[6] Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Bị cáo nhận thức được hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của bị cáo bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt 69.000.000 đồng đã cấu thành tội phạm "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" với tình tiết định khung *"Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng"* theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang truy tố bị cáo Nguyễn Thị Sa R về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng pháp luật.

[7] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đã xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác được pháp luật bảo vệ đồng thời ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[8] Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, ngoài lần phạm tội đang bị xét xử, bị cáo chưa bị kết án, xử lý hành chính, xử lý kỷ luật.

[9] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của bị hại 02 lần và mỗi lần đều trên mức tối thiểu để truy cứu trách nhiệm hình sự (trên 4.000.000 đồng) nên phải chịu tình tiết tăng nặng "phạm tội 02 lần trở lên" theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[10] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội, bị cáo đã tự nguyện bồi thường một phần thiệt hại cho bị hại; bị cáo là phụ nữ có thai trong giai đoạn điều tra, truy tố và chuẩn bị xét xử; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; là các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại các điểm b, n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[11] Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo; nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; xét thấy cần phải xử phạt bị cáo hình phạt tù có thời hạn tương xứng để đảm bảo cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa tội phạm chung. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo có 03 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 và 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nên đủ điều kiện để áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự về quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của

khung hình phạt được áp dụng. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt nhằm thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội lần đầu và biết ăn năn hối cải.

[12] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa bị hại không yêu cầu bồi thường thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[13] Về hành vi khác có liên quan trong vụ án: Ngoài hành vi phạm tội bị truy tố và xét xử như nêu trên, bị cáo còn mượn của bà M 01 chiếc nhẫn vàng 18k và 01 đôi bông tai vàng 18K để đổi lại nhẫn và bông tai khác cho bà M. Theo kết luận giám định thì nhẫn và bông tai mà bị cáo đổi cho bà M đều là vàng giả. Hành vi này của bị cáo có dấu hiệu phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" hoặc "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản". Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã trả hồ sơ để điều tra bổ sung, yêu cầu xem xét xử lý hành vi nêu trên để bảo đảm cho việc giải quyết vụ án được công bằng và toàn diện nhưng Viện kiểm sát không chấp nhận. Do đó, căn cứ quy định về giới hạn của việc xét xử tại khoản 2 Điều 298 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Tòa án chỉ xét xử bị cáo về những hành vi theo tội danh mà Viện kiểm sát truy tố.

[14] Về xử lý vật chứng: Các vật chứng được thu giữ là tài sản của bà Mai Thị M nhưng không có giá trị và tại phiên tòa bà M không yêu cầu nhận lại nên tịch thu và tiêu hủy.

[15] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[16] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát không đề nghị áp dụng tình tiết tăng nặng "phạm tội 02 lần trở lên" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự và tình tiết giảm nhẹ "người phạm tội là là phụ nữ có thai" quy định tại điểm n khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự là chưa phù hợp với quy định của pháp luật như Hội đồng xét xử đã nhận định tại các mục [9] và [10]. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về các vấn đề còn lại là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị Sa R phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

2. Về điều luật áp dụng và hình phạt:

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 174; Điều 38; điểm b, n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Sa R 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày chấp hành án.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tịch thu và tiêu hủy:

- 01 (một) sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng, mặt cẩm thạch màu xanh, khối lượng: 20,5678 gam.

- 01 (một) mặt cẩm thạch màu xanh, khối lượng (bao gồm cả đá): 7,2859 gam.

- 03 (ba) nhẫn kim loại màu vàng, gồm: Chiếc nhẫn 1, khối lượng: 2,6727 gam, có chứa thành phần chính là B (A), hàm lượng Bạc: 97,83%; chiếc nhẫn 2 và chiếc nhẫn 3, tổng khối lượng: 5,3488 gam.

- 02 (hai) chiếc hoa tai bằng kim loại màu vàng có gắn đá cẩm thạch maù xanh, tổng khối lượng (bao gồm cả đá): 3,1109 gam.

- 01 (một) chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng có gắn đá cẩm thạch màu xanh, khối lượng (bao gồm cả đá): 5,5953 gam;

- 01 (một) chiếc vòng màu trắng khối lượng: 8,8867 gam.

(Các vật chứng được lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang theo Biên bản giao, nhận vật chứng, tài sản ngày 31/5/2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V, tỉnh Hậu Giang và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang).

4. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Bị cáo Nguyễn Thị Sa R phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Võ Thị Ánh Trúc

***Nơi nhận*:**
- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Hậu Giang;
- VKSND huyện Vị Thủy;
- CA huyện Vị Thủy (CQĐT, CQTHAHS);
- Chi cục THADS huyện Vị Thủy;
- CA xã nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo; đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.